



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association
135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM
Tel: (84-28) 3823.7288 - 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 26/22, 27/06-01/07/2022

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều, chỉ có giá tiêu nội địa Sri Lanka ghi nhận sự gia tăng.
02. Ấn Độ - Mặc dù đồng Rupee Ấn Độ giảm 1% so với USD (78,84 INR/USD) nhưng giá tiêu Ấn Độ vẫn ổn định trong tuần này.
03. Indonesia - Sau 2 tuần giảm, giá tiêu Indonesia ổn định trong tuần này khi một số vùng ở Lampung đã bắt đầu vụ thu hoạch.
04. Malaysia - Giá tiêu giao dịch trong nước và quốc tế của Malaysia ổn định từ giữa tháng 5/2022.
05. Sri Lanka - Sau hai tuần trầm lắng, giá tiêu nội địa Sri Lanka cho thấy xu hướng tăng trong tuần này.
06. Việt Nam - Chỉ có giá tiêu đen nội địa Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm, trong khi giá các loại khác ổn định.
07. Nhập khẩu Hồ tiêu của Ba Lan (2020-2022).

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (27/06-01/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6,246 6,202 6,213 6,200 -	6,215 - 6,219	0%
 Ex-Lampung	3,074 3,067 3,064 3,057 3,042	3,061 - 3,067	0%
 Ex-Kuching	4,105 4,111 4,110 4,105 4,105	4,107 - 4,108	0%
 Ex- HCM	3,032 3,032 3,032 3,032 3,032	3,032 - 3,097	-2%
 Sri Lanka	4,871 4,877 4,879 4,877 4,881	4,877 - 4,781	2%

Sources:

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (27/06-01/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang	5,371 5,358 5,354 5,342 5,316	5,348 – 5,359	0%
 Ex-Kuching	5,867 5,877 5,875 5,868 5,867	5,871 – 5,872	0%
 Ex-HCM	4,624 4,624 4,624 4,624 4,624	4,624 – 4,624	0%
 Ex-Hainan	6,185 6,185 6,185 6,185 6,185	6,185 – 6,185	0%

Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (27/06-01/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	6,501 6,455 6,467 6,453 -	6,469 – 6,475	0%
 Lampung ** ASTA	3,668 3,660 3,657 3,649 3,631	3,653 – 3,660	0%
 Kuching ASTA	5,900 5,900 5,900 5,900 5,900	5,900 – 5,900	0%
 Ho Chi Minh 500g/l	3,750 3,750 3,750 3,750 3,650	3,730 – 3,740	0%
 Ho Chi Minh 550g/l	4,000 4,000 4,000 4,000 3,900	3,980 – 3,990	0%

Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

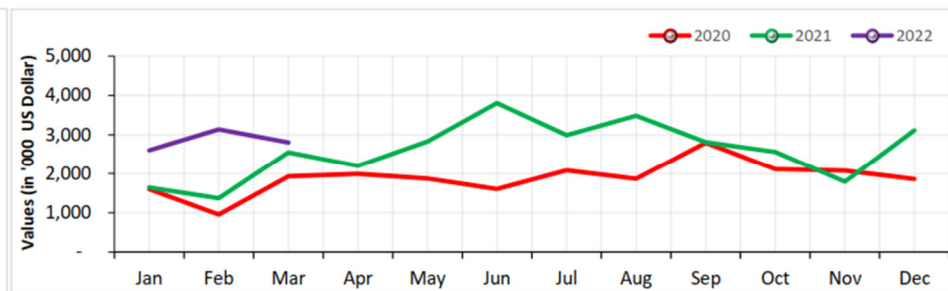
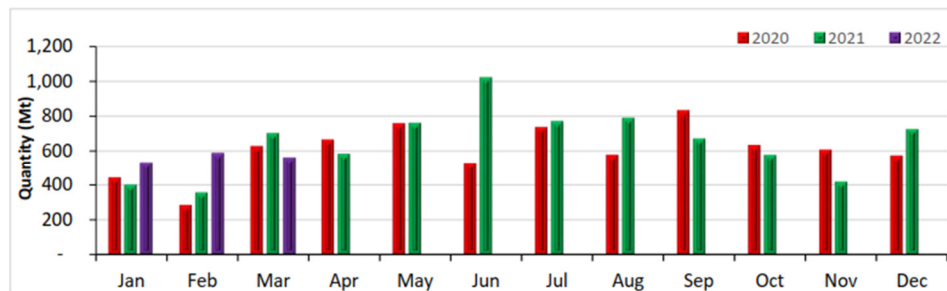
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (27/06-01/07/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ	6,212 6,197 6,192 6,178 6,148	6,185 – 6,197	0%
 Kuching ASTA	7,600 7,600 7,600 7,600 7,600	7,600 – 7,600	0%
 Ho Chi Minh FAQ	5,800 5,800 5,800 5,800 5,700	5,780 – 5,790	0%
 Haikou FAQ	6,385 6,385 6,385 6,385 6,385	6,385 – 6,385	0%

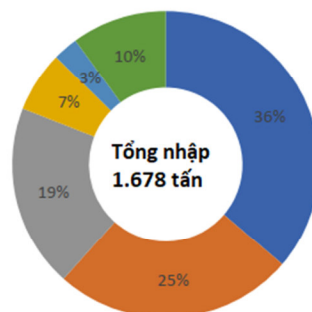
Sources:

• India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA BA LAN



5 quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Ba Lan
2 tháng 2022



1 Việt nam	: 608 Tấn
2 Pháp	: 425 Tấn
3 Đức	: 324 Tấn
4 Hà Lan	: 108 Tấn
5 Áo	: 44 Tấn
6 Khác	: 169 Tấn



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Nhập khẩu Hồ tiêu của Ba Lan (2020-2022)



	<u>2020</u>	<u>2021</u>	<u>2022*</u>
Tổng lượng nhập (tấn)	7,229	7,795	1,678
Tổng trị giá nhập ('000 USD)	\$22,746	\$31,144	\$8,545



	Tiêu hạt	76%	74%	64%
Thị phần (%)	Tiêu xay	24%	26%	36%



Chênh lệch (%)	n.a	8%	15%
----------------	-----	----	-----



	Tiêu hạt	\$ 2,902	\$ 3,930	\$ 4,971
Giá nhập khẩu (USD/tấn)	Tiêu xay	\$ 3,921	\$ 4,179	\$ 5,309

** Tính đến tháng 3/2022*

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.70	78.84	14,865	4.40	23,250	359.87
Tuần trước	6.70	78.10	14,836	4.40	23,250	360.92
Thay đổi	Không đổi	Giảm	Không đổi	Không đổi	Không đổi	Không đổi

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)